ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21 /2015/QĐ-UBND	*Đồng Xoài, ngày 27 tháng 7 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Pháp lệnh số 07/2013/UBTVQH13 ngày 12/7/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm; Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 811/TTr-SCT ngày 15/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Bình Phước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy chế quản lý mua bán, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học-Công báo,
- Website tỉnh;
- LĐVP, P. KTTH, KTN.
- Lưu: VT, (Quế - 29.6).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tòng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND ngày 27/ 7/ 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và trách nhiệm quản lý Nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp *(sau đây viết tắt là VLNCN)* trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức tham gia hoạt động VLNCN, các cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về VLNCN và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Quy chế này không áp dụng đối với các hoạt động VLNCN phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng và trong các trường hợp khẩn cấp theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *"Thuốc nổ"* là hóa chất hoặc hỗn hợp hóa chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của các kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện.

2. *"Phụ kiện nổ"* là các loại kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mồi nổ, các vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc các loại thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ.

3. *"VLNCN"* là thuốc nổ và các phụ kiện nổ sử dụng cho mục đích dân dụng.

4. *"Danh mục VLNCN Việt Nam"* là bản liệt kê các loại VLNCN được phép lưu thông, sử dụng ở Việt Nam.

5. *"Bảo quản VLNCN"* là hoạt động cất giữ VLNCN trong kho, trong quá trình vận chuyển đến nơi sử dụng hoặc tại nơi sử dụng.

6. *"Vận chuyển VLNCN"* là hoạt động vận chuyển VLNCN từ địa điểm này đến địa điểm khác. Vận chuyển VLNCN nội bộ là vận chuyển bên trong ranh giới mỏ, công trường, cơ sở sản xuất, nơi bảo quản VLNCN có đường vận chuyển không giao cắt với đường thủy, đường bộ công cộng.

7. *"Sử dụng VLNCN"* là quá trình làm nổ VLNCN theo quy trình công nghệ đã được xác định.

8. *"Tiêu hủy VLNCN"* là quá trình phá bỏ hoặc làm mất khả năng tạo ra phản ứng nổ của VLNCN theo quy trình công nghệ đã được xác định.

9. *"Kinh doanh VLNCN"* là việc thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, vận chuyển quá cảnh VLNCN.

10. *"Hoạt động VLNCN"* là việc thực hiện một trong số hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy, giám sát ảnh hưởng nổ mìn.

11. *"Khoảng cách an toàn"* là khoảng cách cần thiết nhỏ nhất, theo mọi hướng tính từ vị trí nổ mìn hoặc từ nhà xưởng, kho, phương tiện chứa VLNCN đến các đối tượng cần bảo vệ (người, nhà ở, công trình hoặc kho, đường giao thông công cộng, phương tiện chứa VLNCN khác), sao cho các đối tượng đó không bị ảnh hưởng quá mức cho phép về chấn động, sóng không khí, đá văng theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khi nổ mìn hoặc khi có sự cố cháy, nổ phương tiện, kho chứa VLNCN.

12. *"Chỉ huy nổ mìn"* là người đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm, chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến sử dụng VLNCN tại khu vực nổ mìn.

13. *"Giám sát ảnh hưởng nổ mìn"* là việc sử dụng các phương tiện, thiết bị để đo, phân tích và đánh giá mức độ chấn động, mức độ tác động sóng không khí do nổ mìn gây ra.

14. *"QCVN 02:2008/BCT"* là tên viết tắt của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy VLNCN, ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công thương.

15. *"Ranh giới nổ mìn"* là vị trí giới hạn để phân định giữa khu vực được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiến hành nổ mìn với khu vực không được phép tiến hành nổ mìn.

16. *"Góc dốc khai trường"* là góc dốc được tạo ra trong quá trình khoan nổ mìn từng lớp từ trên xuống dưới theo dạng bậc thang, về mặt hình học được xác định bởi đường xiên nối từ mép trên cùng của khai trường tới chân của lớp đáy khai trường và đường thẳng nằm ngang trên mặt phẳng thẳng đứng ở phía đáy của khai trường.

17. *"Nổ mìn vi sai điện"* là phương pháp nổ mìn dùng kíp vi sai điện, có tác động nổ chậm sau thời gian định trước để khởi nổ các lỗ mìn, kíp nổ được kích nổ bằng dòng điện.

18. *"Nổ mìn vi sai phi điện"* là phương pháp nổ mìn dùng kíp vi sai phi điện, có tác động nổ chậm sau thời gian định trước để khởi nổ các lỗ mìn, kíp nổ được kích nổ bằng sóng nổ.

19. *"Nổ mìn tạo biên"* là phương pháp tổ chức thi công nổ mìn nhằm mục đích tạo ra sự ổn định của đất đá tại ranh giới nổ mìn, tránh các hiện tượng sạt lở, sụp đổ sau khi kết thúc các hoạt động nổ mìn tại khu vực được phép nổ mìn.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động VLNCN

1. Nhà nước độc quyền về sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp. Số lượng, phạm vi, quy mô các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở phù hợp quy hoạch phát triển vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của từng thời kỳ, chống lạm dụng vị trí độc quyền, bảo đảm lợi ích quốc gia, quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

2. Xây dựng, phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp tiên tiến, hoàn chỉnh từ sản xuất nguyên liệu đến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, khai thác tối đa năng lực của ngành công nghiệp quốc phòng và các ngành công nghiệp hóa chất trong phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp chỉ được hoạt động khi đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép, phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy, chữa cháy và các quy định liên quan bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, an toàn cho con người, tài sản và môi trường thiên nhiên.

Điều 5. Yêu cầu chung đối với hoạt động VLNCN

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN phải thiết lập hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn; đảm bảo an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy (PCCC); thiết lập và bảo quản hồ sơ hoạt động VLNCN; thực hiện công tác huấn luyện; đăng ký địa điểm bốc dỡ, tổ chức tiêu hủyVLNCN và các hoạt động khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giấy phép, Giấy chứng nhận của các tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN không có giá trị chuyển nhượng; bản chính phải được lưu giữ tại trụ sở chính theo đăng ký của tổ chức được cấp; lưu giữ bản chính hoặc bản sao các Giấy phép, Giấy chứng nhận và các hồ sơ có liên quan tại trụ sở nơi diễn ra các hoạt động VLNCN.

3. Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn hoặc người lao động làm công việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe; được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và sát hạch định kỳ theo quy định.

Điều 6. Yêu cầu về thực hiện công tác báo cáo trong hoạt động VLNCN

1. Trách nhiệm báo cáo trong các trường hợp bất thường:

a) Báo cáo ngay lập tức cho cơ quan công an nơi tiến hành hoạt động VLNCN khi xảy ra xâm nhập trái phép khu vực chứa VLNCN hoặc có mất cắp, thất thoát không rõ lý do hoặc nghi ngờ có thất thoát VLNCN.

b) Trong vòng 24 giờ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương về việc dừng hoặc kết thúc hoạt động VLNCN hoặc các tai nạn, sự cố xảy ra trong hoạt động VLNCN. Báo cáo bằng văn bản trong vòng 48 giờ, kể từ khi dừng hoặc kết thúc hoạt động vật liệu nổ công nghiệp hoặc xảy ra tai nạn, sự cố.

2. Trách nhiệm báo cáo định kỳ hoạt động

a) Trách nhiệm của tổ chức hoạt động VLNCN

Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động VLNCN cho Công an tỉnh (qua phòng Cảnh sát QLHC về TTXH và phòng Cảnh sát PCCC) và Sở Công Thương trước ngày 25 hàng tháng; Báo cáo định kỳ cho Sở Công Thương trước ngày 25 tháng 6 đối với báo cáo 6 (sáu) tháng và trước ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo năm.

b) Trách nhiệm của Sở Công Thương:

Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh cho Bộ Công Thương trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo 6 (sáu) tháng và trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm về số lượng, chủng loại VLNCN bảo quản, vận chuyển, sử dụng và những vấn đề có liên quan; đồng thời thông báo cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về tình hình hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

3. Mẫu báo cáo:

Mẫu báo được quy định tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 39/2209/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp (đính kèm theo quy chế).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH, BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Kinh doanh VLNCN

1. Tổ chức kinh doanh VLNCN phải căn cứ theo đúng quy định trong Giấy phép sử dụng VLNCN của các tổ chức được phép sử dụng VLNCN để có kế hoạch cung cấp đảm bảo về số lượng, ổn định về chủng loại và chất lượng.

2. Việc mua, bán VLNCN phải ký kết và thanh lý hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức kinh doanh VLNCN phải cung cấp bản sao hợp đồng mua, bán hoặc thanh lý hợp đồng cho Sở Công thương và Công an tỉnh để kiểm tra, giám sát.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và theo mẫu tại Phụ lục I Quy chế này.

Điều 8. Bảo quản VLNCN

1. Chỉ các tổ chức có giấy phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn được đầu tư xây dựng kho chứa vật liệu nổ công nghiệp. Việc đầu tư, xây dựng, mở rộng, cải tạo kho chứa vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định pháp luật liên quan.

2. Vật liệu nổ công nghiệp phải được bảo quản tại các kho chứa, địa điểm thỏa mãn các yêu cầu về an ninh, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về cấu trúc, vật liệu xây dựng và thỏa mãn các yêu cầu về phòng cháy, phòng nổ, chống sét, kiểm soát tĩnh điện, an toàn cho người lao động và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định liên quan.

3. Lãnh đạo quản lý, thủ kho, người bảo vệ canh gác, người phục vụ liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

4. Trong quá trình hoạt động, ngoài các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định, tổ chức, cá nhân quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Trang bị các thiết bị, phương tiện phục vụ việc bảo vệ canh gác, phòng cháy, phòng nổ, thông tin liên lạc, bốc dỡ và cấp phát vật liệu nổ công nghiệp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và quy định pháp luật liên quan. Không được sử dụng kho chứa vật liệu nổ công nghiệp cho các mục đích khác trong thời hạn hiệu lực quy định của giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

b) Xây dựng phương án chữa cháy, phương án bảo vệ an ninh trật tự, biện pháp xử lý và phối hợp với chính quyền địa phương trong các trường hợp có cháy, người xâm nhập trái phép và các trường hợp khẩn cấp khác. Đăng ký danh sách người quản lý, thủ kho, người phục vụ với cơ quan công an địa phương;

c) Căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, xây dựng quy trình thủ tục về canh gác bảo vệ, kiểm tra, kiểm soát người ra vào, người làm việc trong kho, thủ tục xử lý, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp mất phẩm chất. Việc xuất nhập, cấp phát vật liệu nổ công nghiệp phải đúng quy trình, đối tượng đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

5. Thực hiện đúng các quy định tại Điều 5, Chương II, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp (ký kiệu QCVN 02:2008/BCT).

Điều 9. Vận chuyển VLNCN

1. Điều kiện hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp:

a) Là tổ chức kinh tế thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận chuyển hoặc tổ chức có Giấy phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

b) Có phương tiện vận chuyển đủ điều kiện hoạt động, tham gia giao thông theo quy định pháp luật về giao thông và đủ điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy, chữa cháy và quy định liên quan.

c) Lãnh đạo quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải, người phục vụ liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

d) Trừ các trường hợp vận chuyển nội bộ, việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trên đường giao thông công cộng phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển quy định tại Chương III, Nghị định 39/2009/NĐ-CP.

2. Trong quá trình hoạt động, ngoài các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định, tổ chức, cá nhân vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đúng quy định trong giấy phép vận chuyển. Phải kiểm tra tình trạng hàng hoá, phương tiện vận chuyển trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần dừng đỗ, khắc phục ngay các hư hỏng (nếu có).

b) Chỉ được tiến hành vận chuyển khi trên phương tiện vận chuyển có đầy đủ biểu trưng, báo hiệu nguy hiểm và các yêu cầu về sắp xếp, bao bì, nhãn mác hàng hoá vận chuyển thoả mãn quy định pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm, quy định, quy chuẩn liên quan về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

c) Xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp, phương án bảo vệ an ninh trật tự và biện pháp chữa cháy, biện pháp xử lý, liên hệ và phối hợp với chính quyền địa phương trong các trường hợp khẩn cấp khi phương tiện gặp sự cố trên đường vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

d) Phải có đủ người áp tải được trang bị công cụ hỗ trợ khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp. Người áp tải cùng với người điều khiển phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản và bảo vệ hàng hoá trong suốt quá trình vận chuyển.

đ) Trừ các trường hợp khẩn cấp theo quy định tại điểm e, khoản này, cấm vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp xuyên qua trung tâm các khu vực đô thị, đông dân cư vào các giờ cao điểm; không dừng đỗ phương tiện vận chuyển tại các địa điểm đông dân cư, gần các trạm xăng dầu; không bốc, dỡ, chuyển hàng hoặc thay đổi điểm dừng, đỗ, tuyến đường quy định trong giấy phép vận chuyển.

e) Trong các trường hợp phương tiện vận chuyển bị sự cố, tai nạn, cháy nổ hoặc bị cản trở giao thông, người áp tải và người điều khiển phương tiện phải

thực hiện ngay lập tức việc khoanh vùng an toàn, thiết lập cảnh báo ngăn chặn sự tụ tập, xâm nhập trái phép và loại trừ các khả năng xuất hiện nguồn lửa trong khu vực sự cố, tránh nguy hiểm cho người đang tham gia giao thông, thông báo ngay với chính quyền địa phương khu vực có sự cố để được hỗ trợ xử lý.

3. Thực hiện đúng các quy định tại điều 8, mục 2, chương II, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp (ký kiệu QCVN 02:2008/BCT).

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 10. Sử dụng VLNCN

1. Tổ chức sử dụng VLNCN vào mục đích sản xuất, dịch vụ nổ mìn, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm phải có Giấy phép sử dụng VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tổ chức sử dụng VLNCN phải bổ nhiệm Chỉ huy nổ mìn theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương.

3. Trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN, Sở Công thương thẩm tra kiến thức về kỹ thuật sử dụng VLNCN của Chỉ huy nổ mìn theo các tiêu chí tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Người chỉ huy nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN không thuê dịch vụ nổ mìn chỉ được giữ chức vụ chỉ huy nổ mìn tại một địa điểm tiến hành nổ mìn.

5. Người chỉ huy nổ mìn của đơn vị thực hiện dịch vụ nổ mìn không được chỉ huy nổ mìn ở nhiều địa điểm khác nhau trong cùng một thời gian.

6. Tổ chức sử dụng VLNCN phải thành lập đội nổ mìn chuyên nghiệp (trừ trường hợp thuê dịch vụ nổ mìn); những người tham gia đội nổ mìn hoặc làm công việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm.

7. Tổ chức sử dụng VLNCN chỉ được sử dụng VLNCN theo đúng số lượng và thời hạn ghi trong giấy phép sử dụng VLNCN; việc sử dụng VLNCN vượt quá số lượng ghi trong giấy phép sử dụng VLNCN sẽ bị xử lý tạm đình chỉ hoạt động nổ mìn, thời gian tạm đình chỉ được tính toán trên cơ sở số lượng VLNCN tổ chức sử dụng vượt giấy phép và số lượng VLNCN tổ chức được phép sử dụng hàng năm.

Điều 11. Trong thi công khoan nổ mìn

1. Trong quá trình thi công khoan nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải tuân thủ các thông số kỹ thuật của phương án nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Tổ chức sử dụng VLNCN phải lập Hộ chiếu khoan theo mẫu quy định tại Phụ lục IV và nghiệm thu Hộ chiếu khoan theo mẫu quy định tại Phụ lục V Quy chế này trước khi lập Hộ chiếu nổ mìn.

3. Trong quá trình thi công nổ mìn: nạp thuốc, đấu nối hệ thống, canh gác, khởi nổ, xử lý các sự cố phải tuân thủ các yêu cầu an toàn nghiêm ngặt về vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

4. Máy nổ mìn phải được tiến hành kiểm định định kỳ; trước khi nổ mìn phải kiểm tra khả năng phóng điện của máy; việc quản lý máy nổ mìn do Chỉ huy nổ mìn chịu trách nhiệm.

5. Sau khi khởi nổ nhưng bãi mìn không nổ hoặc nổ không hoàn toàn, tổ chức sử dụng VLNCN phải lập biên bản trong đó ghi rõ nguyên nhân, có chữ ký của Giám đốc điều hành mỏ, Chỉ huy nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn như quy định về xử lý mìn câm. Trường hợp xác định có thể sử dụng thêm phương tiện nổ để tiếp tục khởi nổ bãi mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải liên hệ với đơn vị kinh doanh cung ứng và Phòng cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh để phối hợp xử lý.

6. Tổ chức sử dụng VLNCN phải có các giải pháp nổ mìn phù hợp để đảm bảo độ ổn định của góc dốc khai trường tại ranh giới nổ mìn và không được nổ mìn ngoài ranh giới được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

7. Hộ chiếu nổ mìn lập cho bãi mìn tại ranh giới nổ mìn phải ghi rõ hộ chiếu nổ mìn tạo biên để phân biệt với hộ chiếu nổ mìn tại các vị trí khác trên khai trường; mẫu hộ chiếu nổ mìn tạo biên tại Phụ lục VI Quy chế này.

8. Hộ chiếu nổ mìn tạo biên phải tính toán chi tiết khối lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng cho từng lỗ mìn; khối lượng thuốc nổ tối đa cho một bãi mìn tạo biên không quá 1.000 kg và không quá 03 hàng lô khoan có đường kính từ 76 cm trở lên.

9. Tổ chức sử dụng VLNCN để khai thác khoáng sản được tiến hành nổ hai hay nhiều bãi mìn cùng ngày, trong diện tích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng các điều kiện: khoảng cách giữa các bãi mìn từ 80 mét trở lên *(đối với nổ mìn vi sai phi điện)*, từ 100 mét trở lên *(đối với nổ mìn vi sai điện)* và thời gian khởi nổ các bãi mìn phải đảm bảo không được trùng nhau và nằm trong giới hạn thời gian cho phép.

10. Khu vực có nhiều tổ chức cùng hoạt động nổ mìn, các tổ chức sử dụng VLNCN trong khu vực phải có biên bản thỏa thuận, thống nhất trong cách tiến hành khởi nổ và cảnh giới.

11. Trước khi bắt đầu công tác nổ mìn, phải quy định ngay giới hạn của vùng nguy hiểm. Ở trên mặt đất phải cắm cờ đỏ để phân định giới hạn này. Phải đặt các trạm gác hoặc biển báo nguy hiểm *"Đang nổ mìn - cấm vào"* ở giới hạn vùng nguy hiểm sao cho các ngả đường đi đến bãi mìn (bao gồm đường ô tô, đường mòn) đều phải được quan sát thường xuyên của người gác mìn.

12. Tổ chức sử dụng VLNCN phải trang bị phương tiện đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt trong quá trình thi công nổ mìn; trường hợp khu vực nổ mìn có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn phải trang bị hệ thống máy bộ đàm có cùng tần số.

Điều 12. Hiệu lệnh nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng VLNCN phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành nổ mìn về các quy định cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh và thời gian tiến hành nổ mìn của đơn vị. Trong một khu vực có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn thì các quy định, hiệu lệnh phải được quy ước giống nhau.

2. Những quy định về biển cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh nổ mìn và thời gian nổ mìn của tổ chức phải được thông báo rộng rãi cho toàn thể cán bộ nhân viên trong mỏ, các đơn vị lân cận và dân cư sống xung quanh mỏ được biết.

3. Tín hiệu báo hiệu nổ mìn được thực hiện bằng còi hoặc gõ kẻng; âm thanh của còi báo hiệu hoặc kẻng báo hiệu phải đảm bảo mọi người trong bán kính nguy hiểm nghe rõ.

4. Các tổ chức không được tự ý thay đổi quy định, quy ước về hiệu lệnh nổ mìn.

Điều 13. Thời gian nổ mìn

1. Thời gian được phép tiến hành nổ mìn trên địa bàn tỉnh vào các ngày trong tuần (trừ những ngày nghỉ được quy định tại Điều 14 Quy chế này); thời gian được phép tiến hành khởi nổ trong ngày từ 11 giờ 00 phút đến 13 giờ 00 phút.

2. Trường hợp tổ chức sử dụng VLNCN không thể tiến hành khởi nổ vào thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều này, được tiến hành khởi nổ từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 30 cùng ngày; việc khởi nổ vào thời điểm này chỉ được thực hiện khi đơn vị đã báo cáo cho Sở Công thương, phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Phước và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành nổ mìn biết, đồng thời lập biên bản trong đó ghi rõ nguyên nhân, có chữ ký của Giám đốc điều hành mỏ, Chỉ huy nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn trong thực hiện tiến hành khởi nổ.

Điều 14. Thời gian không được tiến hành nổ mìn

1. Trước ngày được nghỉ Tết âm lịch 04 ngày và sau ngày được nghỉ Tết âm lịch 05 ngày.

2. Trước ngày nghỉ Lễ theo quy định tại Bộ Luật Lao động (trừ tết âm lịch) 02 ngày và sau ngày nghỉ lễ 02 ngày.

3. Những trường hợp khác, Sở Công Thương hoặc Công an tỉnh có thông báo bằng văn bản.

Điều 15. Năng lực, trình độ của Người chỉ huy nổ mìn, thợ nổ mìn, người làm việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN

1. Người chỉ huy nổ mìn do Thủ trưởng đơn vị sử dụng VLNCN ký quyết định bổ nhiệm phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 6, Thông tư số

23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP, các yêu cầu về an ninh, trật tự; được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

2. Người chỉ huy nổ mìn là người chịu trách nhiệm tổ chức thi công nổ mìn cho từng công trình cụ thể, phải có mặt trực tiếp tại hiện trường thi công để chỉ huy thực hiện việc nổ mìn theo thiết kế hoặc phương án nổ mìn đã được duyệt; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đầy đủ các quy định về kỹ thuật và an toàn trong quá trình nổ mìn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kỹ thuật, an toàn trong quá trình thực hiện công tác nổ mìn.

3. Thợ mìn hoặc người lao động làm công việc có liên quan tới VLNCN như: vận chuyển, bốc xếp, điều khiển phương tiện vận chuyển, áp tải, bảo vệ, thủ kho, phục vụ thi công bãi mìn phải là người có đủ năng lực pháp lý, được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; được Sở Công Thương kiểm tra sát hạch về kỹ thuật an toàn và cấp giấy chứng nhận *(nội dung huấn luyện quy định tại Phụ lục C của QCVN 02: 2008/BCT)*.

Điều 16. Thuốc nổ và phụ kiện nổ

1. Thuốc nổ công nghiệp được sử dụng là những chủng loại nằm trong Danh mục VLNCN Việt Nam được Bộ Công thương ban hành.

2. Phụ kiện nổ được sử dụng những chủng loại sau:

a) Kíp nổ vi sai điện nhiều số và kíp nổ vi sai phi điện để phá đá nguyên khối;

b) Dây nổ chịu nước, mồi nổ được phép sản xuất trong nước và được phép nhập khẩu.

3. Công tác phá đá quá cỡ phải tiến hành bằng phương pháp đập hoặc nổ mìn; trường hợp sử dụng phương pháp nổ mìn để phá đá quá cỡ thì thuốc nổ và phụ kiện nổ chỉ được sử dụng đúng theo giấy phép đã được cấp.

4. Tổ chức có nhu cầu sử dụng VLNCN vào mục đích sản xuất, dịch vụ nổ mìn, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm phải lập thủ tục xin phép sử dụng VLNCN theo quy định hiện hành. Hồ sơ được gửi về Sở Công thương để xem xét, giải quyết.

Điều 17. Giám sát ảnh hưởng nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng VLNCN phải lập phương án và tổ chức thực hiện việc giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nổ mìn theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28 - QCVN 02: 2008/BCT

2. Chậm nhất 15 ngày trước khi nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải gửi phương án giám sát ảnh hưởng do nổ mìn về Sở Công Thương, để tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

3. Hoạt động giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn phải được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có chức năng và đủ năng lực thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản hàng năm phải tiến hành giám sát chấn động do nổ mìn tối thiểu 01 lần; kết quả giám sát được lập thành một báo cáo gửi cho Sở Công Thương để theo dõi, tổng hợp và các ngành chức năng có liên quan nếu có yêu cầu.

5. Bãi mìn tiến hành giám sát chấn động là bãi mìn có khối lượng thuốc nổ sử dụng lớn nhất đã được xây dựng trong phương án nổ mìn và theo giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã được cấp.

6. Để đảm bảo tính khách quan, việc giám sát chấn động nổ mìn định kỳ hàng năm được thực hiện khi có sự chứng kiến của đại diện Sở Công thương; trường hợp giám sát chấn động nổ mìn do phát sinh khiếu kiện, mời thêm đại diện của các sở, ngành chức năng có liên quan, chính quyền địa phương và người khiếu kiện tham gia chứng kiến.

7. Việc chứng kiến của đại diện các sở, ngành chức năng có liên quan, chính quyền địa phương và người khiếu kiện phải đảm bảo đúng quy định về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về VLNCN trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ:

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan thực hiện:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về hoạt động sử dụng VLNCN tại các khu vực, cụm xây dựng, khai thác mỏ tùy theo điều kiện đặc thù cụ thể của từng khu, cụm; xây dựng quy hoạch các đầu mối dịch vụ nổ mìn, các đầu mối bảo quản, tuyến đường vận chuyển VLNCN, định mức kinh tế kỹ thuật trong sử dụng VLNCN theo điều kiện đặc thù cụ thể trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về quản lý tiền chất thuốc nổ và hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tiếp nhận hồ sơ, thực hiện việc cấp mới, cấp lại, điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép sử dụng VLNCN của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ủy quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Thực hiện việc đăng ký sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh đối với các tổ chức có Giấy phép sử dụng VLNCN do Bộ Công Thương và Bộ Quốc Phòng cấp.

4. Chủ trì việc tổ chức thực hiện phương án giám sát ảnh hưởng chấn động do nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện việc đóng góp ý kiến thẩm định về hồ sơ thiết kế cơ sở công trình kho chứa VLNCN trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, kiểm tra sát hạch và cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN theo quy định tại QCVN 02:2008/BCT cho chỉ huy nổ mìn, thợ nổ mìn và các đối tượng liên quan đến hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

7. Tổng hợp báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm về tình hình quản lý kinh doanh và sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cho tổ chức sử dụng VLNCN, làm cơ sở cho Sở Công Thương xem xét cấp giấy phép sử dụng VLNCN.

2. Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp giấy phép vận chuyển VLNCN và kiểm tra giấy phép vận chuyển VLNCN của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

3. Tham gia đóng góp ý kiến về lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội cho hồ sơ thiết kế cơ sở công trình kho chứa VLNCN.

4. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng trong công tác kiểm tra việc đảm bảo các điều kiện về an ninh trật tự của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của ngành.

5. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh do Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì.

6. Xử lý vi phạm về VLNCN theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

7. Chủ trì công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

8. Tham gia đóng góp ý kiến về lĩnh vực an toàn phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở, thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công kho chứa VLNCN.

9. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ của tổ chức hoạt động VLNCN về việc thực hiện cam kết đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy.

10. Tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh do Sở Công thương hoặc Công an tỉnh chủ trì.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham gia, phối hợp thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động VLNCN để khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu và đề nghị.

2. Tham gia, phối hợp kiểm tra, giám sát những ảnh hưởng do nổ mìn của các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu và đề nghị.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Lao động Thương binh và Xã hội

1. Quản lý nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Công Thương thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

1. Chỉ đạo các ngành chức năng liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn do Sở Công thương hoặc Công an tỉnh chủ trì.

3. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đến các hoạt động VLNCN địa bàn.

4. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn do Sở Công Thương hoặc Công an tỉnh chủ trì khi được yêu cầu.

3. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đến hoạt động VLNCN trên địa bàn.

4. Tiếp nhận thông báo về các quy định cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh và thời gian tiến hành nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn và có trách nhiệm thông báo rộng rãi cho nhân dân địa phương được biết.

5. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của các doanh nghiệp quốc phòng, đơn vị quân đội làm kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, để tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất các biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Tòng

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO KINH DOANH VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(Tên cơ quan chủ quản, trực tiếp)
Tên đơn vị kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Kinh doanh cung ứng Vật liệu nổ công nghiệp kỳ ... năm ....

(Từ ngày .../20... đến ngày .....)

1. Khối lượng VLNCN Nhập - Xuất - Tồn trong kỳ:

TT	Tháng	Thuốc nổ (kg)				Kíp nổ các loại (cái)				Lập bảng tương tự với: Dây nổ (m), Mồi nổ (quả) và các chủng loại VLNCN khác			
		Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng nhập mới	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng nhập mới	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng nhập mới	Số lượng xuấttrong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	1												
	2												
	2												
	3												
	...												
	Toàn kỳ												
	Toàn năm												

2. Khối lượng VLNCN đã cung cấp cho các đơn vị sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong kỳ:

TT	Tên đơn Vịsử dụng	Thuốc nổ (kg)				Kíp nổ (cái)				Dây nổ (m)		Mồi nổ(quả)	Ghi chú
		AD1	Nhũ tương	Anfo	...	Kíp phi điện	Kíp vi sai điện	Kíp nổtức thời	...	Dây nổ chịu nước	...		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	1												
	2												
	3												
	...												
	Tổng hợp												

3. Nhận xét của đơn vị: Về công tác an toàn trong hoạt động kinh doanh cung ứng VLNCN; chất lượng VLNCN và các vấn đề khác có liên quan.

4. Kiến nghị (nếu có):

Bình Phước, ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC PHÉP VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Từ	Đi qua	Đến
01	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Phước minh, Bù Gia Mập, Bình Phước
02	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước
03	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đắc ơ, Phước Long, Bình Phước
04	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đồng Tâm, Đồng Phú, Bình Phước
05	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Phú Trung, Bù Gia Mập, Bình Phước
06	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Phước Tân, Bù Gia Mập, Bình Phước
07	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đồng Tâm, Đồng Xoài, Bình Phước
08	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Minh Hưng, Bù Đăng, Bình Phước
09	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước
10	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Minh Hưng, Bù Đăng, Bình Phước
11	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đồng Tâm, Đồng Phú, Bình Phước
12	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Tân Hưng, Đồng Phú, Bình Phước
13	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đồng Tâm, Đồng Phú, Bình Phước
14	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Phú Trung, Bù Gia Mập, Bình Phước
15	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Đoàn Kết, Bù Xăng, Bình Phước
16	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 14	Thuận Phú, Đồng Phú, Bình Phước
17	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	An Lộc, TX Binh Long, Bình Phước
18	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	Lộc An , Lộc Ninh, Bình Phước
19	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL 13	Tân Lợi, Hớn Quản, Bình Phước
20	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	Lộc An , Lộc Ninh, Bình Phước
21	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741, DT759 QL 13	Phước Thiện, Bù Đốp, Bình Phước

22	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	Tân Lợi, Hớn Quản, Bình Phước
23	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	Thanh An, Hớn Quản, Bình Phước
24	Kho VLNCN Thường Tân, Tân Uyên, Bình Dương	ĐT 746,ĐT 747,ĐT 741,QL13	Lộc Thành, Lộc Ninh, Bình Phước

Ghi chú: Tùy theo tình hình thực tế, các cung đường vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp sẽ được cơ quan có thẩm quyền cho phép quyền bổ sung, thay đổi cho phù hợp.

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 24 /2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(Tên cơ quan chủ quản, trực tiếp)
Tên đơn vị sử dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp kỳ ... năm ....

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .....)

Tên dự án: .....

Địa điểm nổ mìn: .....

1. Khối lượng VLNCN Nhập - Sử dụng - Tồn trong kỳ:

STT	Tháng	Thuốc nổ (kg)				Kíp nổ các loại (cái)				Lập bảng tương tự với: Dây nổ (m), Mồi nổ (quả) và các chủng loại VLNCN khác				KL đất, đá bóc (m^3)
		Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng nhập mới	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng tồn đầu kỳ	Sốlượng nhập mới	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng nhập mới	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														
...														
	Toàn kỳ													
	Toànnăm													

2. Khối lượng VLNCN sử dụng theo từng chủng loại:

STT	Tháng	Thuốc nổ (kg)				Kíp nổ (cái)				Dây nổ (m)		Mồi nổ(quả)	Ghi chú
		AD1	Nhũ tương	Anfo	...	Kíp phi điện	Kíp vi sai điện	Kíp nổtức thời	...	Dây nổ chịu nước	...		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	1												
	2												
	3												

	...												
	Tổng												
	Toàn kỳ												
	Toànnăm												

3. Nhận xét của đơn vị: Về công tác an toàn trong thi công khoan nổ mìn; chất lượng VLNCN; chỉ tiêu thuốc nổ sử dụng...

4. Kiến nghị (nếu có):

Bình Phước, ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

MẪU HỘ CHIẾU KHOAN

(Kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(Tên cơ quan chủ quản, trực tiếp)
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU KHOAN

Số: ...../...(tháng)/20... (năm)/HCK

I. ĐỊA ĐIỂM:

1. Địa điểm khai trường: .....

2. Vị trí bãi khoan: .....

II. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại:.....

1. Độ cứng: f = ...

2. Xác nhận của phụ trách địa chất: Ký tên ..... Họ và tên:.....

THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Thời gian bàn giao nhiệm vụ khoan: vào lúc ... giờ ... phút, ngày …/…../20...

2. Thời gian dự kiến hoàn thành: ngày …../…../20...

IV. THÔNG SỐ BÃI KHOAN:

STT	Lỗ khoan	H (mét)	D_{LK} (mm)	L_K (mét)	Khoảng cách (mét)		
					a	b	W
1	LK1						
2	LK2						
3	LK3						
...	...						
Tổng hợp	Tổng số lỗ khoan	H	D_{LK}	Tổng số mét	a_{tb} (Trung bình)	b_{tb} (Trung bình)	W_{tb} (Trung bình)

V. SƠ ĐỒ BÃI KHOAN:

Sơ đồ bãi khoan

Mặt cắt lỗ khoan

PHỤ TRÁCH KHOAN (ký, ghi rõ họ tên)	**NGƯỜI LẬP** (ký, ghi rõ họ tên)	**CHỈ HUY NỔ MÌN** (ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC V

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỘ CHIẾU KHOAN

(Kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(Tên cơ quan chủ quản, trực tiếp)
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỘ CHIẾU KHOAN

Số: ...../...(tháng)/20 ..... (năm)/HCK

I. THỜI GIAN: vào lúc ngày ... tháng ... năm 20...

II. ĐỊAĐIỂM: .....

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Ông ....., Chức vụ: Chỉ huy nổ mìn
2. Ông ....., Cán bộ kỹ thuật lập Hộ chiếu khoan
3. Ông ..... ,Phụ trách công tác thi công khoan

Cùng tiến hành nghiệm thu Hộ chiếu khoan số: ...../.../ 20..../(Viết tắt địa điểm khai trường)/HCK.

IV. KẾT QUẢ:

1. Thời điểm bàn giao hộ chiếu khoan:
2. Ngày hoàn thành theo kế hoạch:
3. Ngày bắt đầu khoan:
4. Ngày hoàn thành thực tế: ; Sớm (Trễ): ..... ngày.
5. Đường kính khoan (D_{LK}): .... m; Chiều cao tầng (H): ..... m;
6. So sánh giữa các thông số giữa thực tế khoan và hộ chiếu khoan:

STT	Lỗ khoan	L_K(T. tế)/ L_K(K. hoạch) (m)	Khoảng cách theo Thực tế /Kế hoạch (m)			Ghi chú
			a	b	W	
1	LK1					
2	LK2					
3	LK3					
	...					
Tổng hợp						

7. Tổng số lỗ khoan (Thực tế/Kế hoạch):

8. Tổng số mét khoan (Thực tế/Kế hoạch):

9. Lý do thay đổi về số lỗ khoan thực tế:

10. Lý do thay đổi về số mét khoan thực tế:

11. Những thay đổi về điều kiện địa chất phát hiện khi khoan:

12. Những lỗ khoan cần lưu ý khi thi công nổ mìn:

13. Những vấn đề khác (nếu có):

Sơ đồ bãi khoan

Mặt cắt lỗ khoan

PHỤ TRÁCH KHOAN	**NGƯỜI LẬP**	**CHỈ HUY NỔ MÌN**
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC VI

MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN TẠO BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(Tên cơ quan chủ quản, trực tiếp)
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN
(Tạo Biên)

Số: ..../... (tháng)/20... (năm)/HCNM

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ MÌN: ....

II. THỜI ĐIỂM LẬP HỘ CHIẾU: Ngày ..... tháng .... năm 20...

III. THỜI ĐIỂM NỔ MÌN: Nổ mìn vào hồi: ...h .... phút ngày.... tháng.... năm 20...

IV. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại: ....

Độ cứng: f =...

Xác nhận của phụ trách địa chất: Ký tên .... Họ và tên ....

V. THÔNG SỐ BÃI NỔ:

Từ lỗ số đến lỗ số	H (mét)	D_{LK} (mm)	L_K (mét)	Khoảng cách (mét)			Tổng số lỗ	L_{Bua} (mét)	Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét)
				a	b	W			

VI. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT:

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (q_{tt};kg/m^3) .....
- Chỉ tiêu thuốc nổ tính toán (q_{TT}; kg/m^3) với đường kính lỗ khoan: .....
- Suất phá đá (N; m^3/m khoan sâu) với đường kính lỗ khoan: .....
- Vật liệu nổ yêu cầu của bãi nổ:

THUỐC NỔ (Kg)			KÍP NỔ (Cái)										MỒI NỔ(Quả)	DÂY NỔ(Mét)	PHỤ KIỆN NỔKHÁC
Anfo	Nhũ tương	Thuốc nổkhác	Kíp nổ vi sai điện												
			Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 7	Số 8	Số 9	Số 10	…			
			Tổng số kíp vi sai điện (Nổ mìn vi sai điện)												
			(Hoặc Kíp vi sai phi điện)										Kíp nổkhác (Cái)		
			Kíp trên mặt 6m			Kíp xuống lỗ 400ms									
			17ms	25ms	42ms	6m	8m	10m	12m	15m	18m	22 m			
			Tổng kíp trên mặt...			Tổng kíp xuống lỗ ...									
…	…	…	Tổng số kíp phi điện (Nổ min vi sai phi điện)											...	…	…

VII. PHẦN TÍNH TOÁN VÀ LƯỢNG VLNCN SỬ DỤNG THỰC TẾ: *(Tính toán chi tiết cho từng lỗ mìn)*

Stt	$H_{(m)}$	$L_{(m)}$ Thựctế	Khoảng cách (m)			Thể tích lỗ V(m^3)	Chỉ tiêu q(kg/m^3)	Q_{kg}	VLNCN thực tế			L_{Bua}(m)
			a	b	W				Thuốcnổ	Mồi	Kíp	

- Tổng lượng đá phá ra: (V = ... (m^3)
- Tổng lượng thuốc nổ các loại: (Q = ... (kg)

- Tính toán dòng điện qua kíp đảm bảo I ³ 1,3A với dòng 1 chiều, I ³ 2,5A *(Nếu nổ mìn điện)*.

.....

.....

VIII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẤU) VÀ MẶT CẮT QUA CÁC LỖ KHOAN NẠP THUỐC:

Sơ đồ nổ mìn tạo biên

Mặt cắt lỗ khoan

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN:

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn .....
- Tín hiệu chuẩn bị nổ mìn .....
- Tín hiệu nổ mìn .....
- Tín hiệu báo yên .....

X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN:

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ ..... (mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ ..... (mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: R(Người) ..... (mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị: R(TB) ..... (mét)

XI. THUỐC NỔ VÀ PHỤ KIỆN:

Thực tế tiêu thụ	Thừa trả về kho
Thuốc nổ: .... Phụ kiện nổ:	Thuốc nổ: .... Phụ kiện nổ: ....

XIII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Nạp từ lỗ số	$L_{b\ (m)}$	Ký nhận

XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẨN NẤP, DI CHUYỂN MÁY:

(Phải thể hiện các khoảng cách từ trạm gác, các công trình, nằm trong vùng nguy hiểm và vị trí điểm hỏa tới bãi nổ, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm. Đảm bảo người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ 20 phút).

XIV. PHÂN CÔNG GÁC MÌN:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận

XV. KẾT QUẢ NỔ MÌN: *(Chỉ huy nổ mìn kiểm tra bãi nổ và ghi lại kết quả nổ mìn)*

.....

.....

.....

.....

.....

Vụ nổ kết thúc vào lúc ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU	PHỤ TRÁCH AN TOÀN	CHỈ HUY NỔ MÌN	LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP DUYỆT
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký tên, đóng dấu)